TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 159/2022/DS-PT Ngày: 06/9/2022 *V/v: "*tranh chấp hợp đồng hợp tác*"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và ông Vũ Văn Tú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2022/TLPT-DS, ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng hợp tác". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐ-PT, ngày 25 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Lương Văn M, sinh năm 1947

Địa chỉ: Thôn 12, xã TH, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

* Bị đơn: Công ty BT. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung Tr, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: 137 A GP, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Ông Lương Văn M trình bày:** Vào ngày 20/6/2019 giữa tôi và Công ty BT có ký hợp đồng góp vốn với số tiền là 100.000.000 đồng. Theo hợp đồng quyền chọn số 240486814/HĐQC ngày 20/6/2019 tổng số tiền tôi góp vốn là 100.000.000 đồng, tôi chọn quyền chọn 1. Theo quyền chọn 1 thì lãi suất tôi được hưởng trên tháng là 5% trên tổng số tiền tôi đầu tư 100.000.000 đồng, mỗi tháng nhận lãi một lần và được quyền rút vốn sau 12 tháng. Sau khi ký hợp đồng quyền chọn thì Công ty BT đã trả cho tôi được 4 tháng với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, tuy nhiên đến tháng thứ 5 thì Công ty chấm dứt việc trả tiền lãi cho tôi mặc dù tôi đã yêu cầu trả tiền nhiều lần và tôi đi lên tại địa chỉ 137A GP, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lăk nơi Công ty đặt trụ sở để đòi trả tiền nhưng Công ty đóng cửa không hoạt động và tôi không thể liên lạc được với công ty này.

Nay, tôi yêu cầu Công ty BT phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền góp vốn của tôi 100.000.000 đồng, đồng thời trả số tiền lãi cho tôi theo quy định của pháp luật, khấu trừ số tiền lãi suất mà Công ty BT đã trả cho tôi được 4 tháng với tổng số tiền là 20.000.000 đồng từ ngày 20/7/2019 đến ngày 20/10/2020 (chu kỳ trả lãi là đủ 30 ngày kể từ ký hợp đồng ngày 20/6/2019).

* Bị đơn Công ty BT: Mặc dù đã được tòa án triệu tập nhưng vắng mặt.

Tại Bản án số 30/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161;Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357; Điều 468; Điều 504; Điều 505; Điều 506; Điều 507; Điều 509; Điều 510; Điều 512 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ông Lương Văn M.

Buộc Công ty BT có nghĩa vụ trả cho Ông Lương Văn M tổng số tiền 135.944.438 đồng, trong đó số tiền vốn góp là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 35.944.438 đồng.

Đối với lãi suất chậm trả tiền: Công ty BT tiếp tục trả số tiền lãi suất cho Ông Lương Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự kể từ ngày 08/4/2022 đến khi trả xong hết nợ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 21/4/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuộtuôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-DS đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đồng thời căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự Đại diện viểm sát bổ sung kháng nghị với nội dung là: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính hoặc bản sao có công chứng mà chỉ cung cấp tài liệu là bản phô tô trong khi đó bị đơn vắng mặt là vi phạm Điều 97 và Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị được ban hành thong thời hạn luật định, nên Tòa án thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Xét nội dung kháng nghị tại quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và kháng nghị bổ sung tại phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thì thấy rằng:

[2.1] *Về nội dung:*

- Về quan hệ tranh chấp: Giữa Ông Lương Văn M và Công ty BT có ký kết hợp đồng quyền chọn, theo đó các bên đương sự thỏa thuận hợp tác với nhau để thực hiện dự án bất động sản, trị giá hợp tác là 100.000.000 đồng.

Tại Điều 2 của hợp đồng, ông M có quyền chọn một trong ba quyền, ông M đã lựa chọn quyền số 1 là Lãi suất 5%/tháng/tổng số tiền đầu tư, một tháng nhận lãi một lần, rút vốn sau 12 tháng.

Ông M trình bày ông chỉ được nhận lãi bốn tháng đầu, từ tháng thứ năm trở đi ông không được nhận lãi nữa, công ty cũng không hoàn trả số tiền đầu tư cho ông, nên ông khởi kiện ra Tòa án để giải quyết.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*" là có cơ sở. Bởi lẽ, việc các bên lập hợp đồng với tiêu đề "Hợp đồng quyền chọn" nhưng bản chất về nội dung của hợp đồng là phù hợp với hợp đồng hợp tác được quy định tại Điều 504 BLDS 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ông Lương Văn M trình bày ông không Tr tiếp đến trụ sở công ty, không Tr tiếp ký hợp đồng với giám đốc công ty mà hợp đồng này là do bà Vũ Thị C ở huyện R đưa ký, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, thu thập chứng cứ liên quan đến bà C để xác định tư cách tham gia tố tụng, dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không khách quan toàn diện.

Tại Bút lục số 10, thể hiện Ông Lương Văn M đã nộp số tiền 100.000.000 đồng, người nhận là Ông Nguyễn Trung Tr và tại phiếu thu tiền cũng thể hiện Ông Nguyễn Trung Tr là giám đốc của Công ty BT. Mặt khác, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, thể hiện nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Tr ở tại ấp MĐ, xã PĐ, huyện ĐT, tỉnh Đồng Tháp và địa chỉ hiện nay: Số 32 đường NBT, xã TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không đưa ông Tr tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68, điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, nguyên đơn nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là bản phô tô, đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt, nhưng cấp sơ thẩm không đối chiếu bản gốc hoặc yêu cầu đương sự cung cấp bản sao có công chứng, mà vẫn chấp nhận chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp để xét xử, buộc bị đơn phải trả tiền góp vốn cho nguyên đơn là không đảm bảo theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] *Về việc niêm yết các văn bản tố tụng:*

Tại biên bản xác minh ngày 24/3/2021, xác minh Công ty BT không còn hoạt động tại địa chỉ 137A GP, phường TT, thành phố B; Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, thể hiện nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Tr (là đại diện hợp pháp của Công ty BT) ở ấp MĐ, xã PĐ, huyện ĐT, tỉnh Đồng Tháp và địa chỉ hiện nay: Số 32 đường NBT, xã TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết tại địa chỉ 137A GP, phường TT, thành phố B là không

đúng địa chỉ, mà phải tống đạt các văn bản tố tụng cho Ông Nguyễn Trung Tr – Đại diện hợp pháp của Công ty BT tại địa chỉ Số 32 đường NBT, xã TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì mới đảm bảo việc tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có vai trò quan trọng vào tham gia tố tụng, mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục bổ sung được. Vì vậy, cần chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa sna cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm*: Do hủy bản án sơ thẩm, nên sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại, sẽ xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

- *Án phí phúc thẩm:* Đương sự không kháng cáo nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và kháng nghị bổ sung của Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí: Sẽ xử lý khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND T.p BMT;
- Chi cục THADS T.p B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh